

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Trọng Bình
2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn S. Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1997, tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ dân phố H, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông: Phạm Văn K, sinh năm 1974; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Hiện đang sinh sống tại: Tổ dân phố H, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Châu Tạ Quang V, sinh năm 2003.

Đại diện hợp pháp cho cháu Văn: Ông Tạ Quang T, sinh năm 1969 – Là bố đẻ. (Cháu V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T có mặt)

Đều trú tại: Thôn A, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1974. Có mặt

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn A, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Tạ Quang T, sinh năm 1969. Có mặt.

Trú tại: Thôn A, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1997. Có mặt.

Trú tại: TDP Đ, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Trần Trung H1, sinh năm 1999. Có mặt.

Trú tại: Thôn B xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1992. Có mặt

Trú tại: TDP H, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

4. Cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 2002. Có mặt

Đại diện hợp pháp cho cháu Đường: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964 – Là mẹ đẻ. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn X, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 09/4/2020 Phạm Văn S điều khiển xe mô tô BKS 47P1-259.26 chở Hoàng Văn H; Trần Trung H1 điều khiển xe mô tô BKS 47 D1- 222.22 chở Nguyễn Công N đang đi trên đường tỉnh lộ 1, hướng từ UBND xã C về trung tâm thị trấn E, khi đi đến cây xăng tại xã C, S nhìn thấy Tạ Quang V một mình điều khiển xe mô tô BKS 47P1-147.77 đi ngược chiều với S, S nhớ lại việc V chưa trả tiền lãi suất cho S nên S quay mặt qua nói với N “Thằng này nợ tiền em, quay lại hỏi nó xem”, N chưa kịp trả lời thì S đã điều khiển xe vượt lên chặn đầu xe của V và nói qua lại với nhau về việc nợ tiền. Sau đó S nói “Giờ mày đi với tao ra chỗ vắng người nói chuyện”, S nhờ H1 điều khiển xe 47D1- 222.22 chở V thì H1 đồng ý, V tự ngồi lên xe H1, S ngồi sau, S nhờ N chạy xe của V, H đi xe của S. Tất cả đi đến nghĩa trang thuộc thôn V, thị trấn E rồi đi vào phía trong nghĩa trang khoảng 70m, N và H điều khiển xe dừng lại cạnh nhau, còn H1 điều khiển xe dừng cách nhau khoảng 10m. N đi đến đứng đối diện V khoảng 01m rồi dùng tay phải tát vào mặt bên trái của V 03 cái, vì N bức tức việc trước đây V chạy xe net pô qua nhà N,

sau đó N với V nói chuyện qua lại về việc V đi xe net pô V cãi lại nên N bực tức cúi xuống lấy chiếc dép tông bên phải giơ trước mặt V nhằm mục đích dọa V nhưng V im lặng nên N không đánh nữa. Sau khi H1 nghe điện thoại của mẹ, H1 nói S là không có chuyện gì thì H1 về trước, H1 hỏi N có về luôn không thì N lên xe của H và cả hai cùng về.

Lúc này còn lại V và S đứng đối diện gần nhau, H ngồi một mình cách chỗ của S và V đứng khoảng 10m. S và V nói qua lại với nhau về việc nợ tiền, H ngồi bấm điện thoại nên không nghe rõ nội dung gì. Trước đó vào khoảng ngày 02/8/2020 S cho V mượn 02 triệu đồng, V viết giấy vay đưa cho S giữ, không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 10 ngàn đồng/01 triệu/ngày. V đã trả xong cho S 02 triệu đồng, thấy S không nói gì về tiền lãi nên V nghĩ là đã trả xong không còn nợ tiền S nữa. Nhưng nay S tính tiền lãi từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020 là 08 tháng, mỗi tháng 600.000đ tổng cộng là 4,8 triệu đồng, làm tròn 5 triệu đồng cộng với 03 triệu đồng tiền công đi tìm V, S nói V viết giấy vay S số tiền 08 triệu đồng. Mặc dù có điều kiện để bỏ đi nhưng V sợ S đến nhà đòi tiền sợ bố mẹ la mắng và muốn ở lại giải quyết cho xong việc. Do đó khi S đi mua giấy bút ở quán tạp hóa cách nghĩa trang khoảng 500m, rồi quay lại và dựng xe cạnh chỗ V đứng, S rút quyển vở và lấy 01 tờ giấy và đưa cây bút cho V, V kê tờ giấy lên quyển vở và đặt lên yên xe để viết, S đứng sát bên và đọc cho V viết giấy với nội dung V vay tiền của S với số tiền 08 triệu đồng rồi đưa cho S. Lúc này S nhìn thấy V có 01 điện thoại di động loại Iphone 7 Plus trong túi quần bên trái nên S hỏi mượn nên V đồng ý đưa cho S. Khi cầm được điện thoại S nảy sinh ý định yêu cầu V phải viết lại giấy vay tiền có thêm phần thế chấp điện thoại và xe, S xé tờ giấy vay đã viết 08 triệu đồng thành nhiều mảnh và vứt tại chỗ. Sau đó S nói V phải viết giấy vay S số tiền 10 triệu đồng và thế chấp điện thoại và xe máy, V hỏi lại “Sao là viết vay 10 triệu đồng”, S liền dùng tay phải tát vào hai bên mặt V, 02 cái vào má bên trái và 01 cái vào má bên phải rồi nói “Mày thích hỏi không”, V không dám nói gì nữa nên S giải thích 02 triệu đồng là tiền phát sinh thêm tiền giấy bút xăng xe. S đứng sát bên V và đọc cho V viết, khi viết đến thế chấp điện thoại thì V không đồng ý, V xin không thế chấp điện thoại thì S quay mặt về phía V ở tư thế đứng đối diện dùng hai tay nắm liên tiếp 02 cái trúng vào mặt V. Vì vậy V buộc phải viết theo yêu cầu của S, viết mặt khẩu, địa chỉ Icloud và số máy của điện thoại vào giấy vay tiền, hẹn đến ngày 12/4/2020 khi V trả hết số tiền cho S thì S trả lại điện thoại và xe. Khi viết xong, V ký phần người vay tiền, S ký phần người cho vay, rồi S nhờ H ký phần người làm chứng nhưng H không ký nên S nói với H là ký đi không sao đâu nên H mới ký ở phần người làm chứng. Tiếp đó S nói với H là S không biết chạy xe tay côn nên nhờ H điều khiển xe của V đi, H đồng ý, lúc này chìa khóa xe của V vẫn còn cắm ở ổ khóa xe. S điều khiển xe đi trước dẫn đường đến nhà của Nguyễn Hải Đ1 để gửi xe, Đ1 không biết chiếc xe S gửi là tài sản do phạm tội mà có. Sau đó ngày 11/4/2020 S đến lấy xe.

Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 11 ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 xe mô tô,

loại Blade, BKS, biển kiểm soát 47P1 – 147.77 có giá trị là 5.500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus màu vàng đồng có giá trị 5.833.000đ. tổng giá trị tài sản là 11.333.000đ.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ: 01 giấy vay tiền đề ngày 09/4/2020; 01 xe mô tô loại Blade, BKS 47P1-147.77; 01 xe mô tô loại Wave A, BKS 47P1-259.26; 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus màu vàng.

Xử lý vật chứng:

Ngày 07/02/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại 01 xe mô tô loại Wave A, BKS 47P1-259.26 cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn K; trả lại 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus màu vàng cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Đ.

Về phần dân sự của vụ án:

Người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Bản Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi đúng như trong quá trình điều tra, nội dung bản Cáo trạng và nội dung tóm tắt đã nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo tại bản cáo trạng. Đồng thời đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại: 01 xe mô tô loại Wave A, BKS 47P1-259.26 cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn K; trả lại 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus màu vàng cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 24 ngày 28/7/2020 và quyết định xử lý vật chứng số 13 ngày 20/5/2020.

- Trả lại cho ông Tạ Quang T 01 xe mô tô hiệu Honda, BKS 47P1-147.77 (Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/9/2020 giữa cơ quan Công an huyện Ea Súp và Chi cục thi hành án dân sự huyện S)

+ **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Văn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 09/4/2020, tại nghĩa trang thuộc thôn V thị trấn E, huyện S bị cáo S có hành vi dùng tay đánh vào mặt để uy hiếp tinh thần ép cháu Tạ Quang V viết giấy vay số tiền 10 triệu đồng và chiếm đoạt tài sản gồm 01 xe mô tô loại Blade BKS 47P1-147.77 có trị giá 5.500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus màu vàng có trị giá 5.833.000đ. Tổng giá trị tài sản là 11.333.000đ.

Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

[3]. Xét tính chất mức độ, hành vi của bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an trong khu vực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có ông nội là Phạm Văn S1 và bà nội là Phạm Thị L1 là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo nhất thời phạm tội, đây là lần phạm tội đầu tiên. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện VKSND huyện Ea súp về tội danh, mức hình phạt và về các biện pháp tư pháp là có cơ sở cần chấp nhận.

[5]. Đối với hành vi của bị cáo cho Tạ Quang V vay 02 triệu đồng và thỏa thuận lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS nhưng bị cáo chưa thu lợi bất chính, chưa có tiền án tiền sự. Vì vậy hành vi của bị cáo S không có dấu hiệu cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự nên chưa đủ căn cứ để xử lý về mặt hình sự.

Các đối tượng Trần Trung H1, Nguyễn Công N, Hoàng Văn H và Nguyễn Hải Đ1 đều không biết việc vay mượn tiền giữa Phạm Văn S và Tạ Quang V. Phạm Văn S không bị ai tác động, xúi giục và cũng không bàn bạc trước với H1, N, H và Đ1.

Đối với Trần Trung H1 chở Tạ Quang V ra nghĩa trang là vì H nhờ chở ra chỗ vắng người để nói chuyện, V tự nguyện lên xe, không ai khống chế V phải lên xe. Nên không có dấu hiệu của tội bắt người hoặc giam giữ người trái pháp luật.

Đối với Nguyễn Công N đi xe của Tạ Quang V ra nghĩa trang là do S nhờ, N không biết bản chất việc vay tiền giữa S và V. N đánh V là do bức tức vì nhớ lại chuyện trước đây V đi xe net pô ngang qua nhà N. Do đó hành vi N đánh V là hành vi độc lập, V cũng không yêu cầu xử lý, không có dấu hiệu tội phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với Hoàng Văn H thì quá trình xảy ra sự việc ở nghĩa trang, H ở cách vị trí V là 10,6m. Đồng thời H thường xuyên sử dụng điện thoại đi động lên mạng đọc báo, xem tin tức nên không nghe rõ nội dung nói chuyện giữa S và V, S đi mua giấy bút cũng không nói H canh chừng V. V viết xong giấy tờ vay tiền thứ hai thì S nhờ H ký ở phần người làm chứng, nhưng H trả lời H có biết gì đâu mà ký, S nói cứ ký đi không sao đâu, H nhìn thấy chữ ký của V và S, lúc đó không thấy V có ý kiến gì nên H nghĩ có sự việc vay tiền và thế chấp xe nên H ký vào giấy là người làm chứng và điều khiển xe giúp S (Do S không biết đi xe côn) mà không biết là tài sản do S phạm tội mà có.

Đối với Nguyễn Hải Đ1, khi S đến gửi xe thì không ai nói gì về nguồn gốc xe, Đ1 không biết là tài sản do S phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với Đ1.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn S**: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về UBND thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk theo dõi giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc theo dõi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại: 01 xe mô tô loại Wave A, BKS 47P1-259.26 cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn K; trả lại 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus màu vàng cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Đ. (Theo Quyết định xử lý vật chứng số: 24 ngày 28/7/2020 và quyết định xử lý vật chứng số: 13 ngày 20/5/2020).

- Trả lại cho ông Tạ Quang T 01 xe mô tô hiệu Honda, BKS 47P1-147.77 (Tài sản có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/9/2020 giữa cơ quan Công an huyện Ea Súp và Chi cục thi hành án dân sự huyện S) là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND thị trấn E
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế